

QUAN HỆ TƯƠNG TRỢ Ở MỘT VÀI LÀNG VIỆT THUỘC TỈNH HÀ BẮC

TẠ LONG - NGÔ THỊ CHÍNH

“Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Câu ca dao trên biểu hiện sức mạnh của sự đoàn kết, hiệp lực giữa các cá thể trong một quần thể, một cộng đồng. Xưa nay nhiều người coi tương trợ, đùm bọc lẫn nhau là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Nhưng truyền thống được thể hiện cụ thể trong các mặt của đời sống ra sao, và bản thân nó còn phần ảnh hưởng, yếu kém gì của mỗi cá thể, mỗi gia đình cần được sự trợ giúp, có lẽ cũng nên được đề cập tới. Đây chính là nội dung của bài báo nhỏ này. Tài liệu được sử dụng chủ yếu là những số liệu thực tại thu thập được qua phiếu điều tra hộ gia đình và phiếu làng tại ba làng thuộc huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc, bao gồm: Dương Ổ (xã Phong Khê), Ngô Xá (xã Long Châu) và Trung Bạ (xã Hàm Sơn). Quan hệ này được xét trên các mặt: lao động sản xuất, vay mượn, tương trợ giữa các gia đình.

Góc nhìn những quan hệ là những số liệu định lượng và sự xác lập định tính về vai trò của làng xã đối với đời sống kinh tế cũng như chính trị, xã hội của các gia đình.

a. Quan hệ xóm làng trong thiết chế ruộng đất công.

Lao động sản xuất trong các làng xã Bắc Bộ nói chung, ở ba làng được khảo sát thuộc tỉnh Hà Bắc nói riêng, nghề nông là “vi bản”. Ngay cả ở làng Dương Ổ, nghề làm giấy nó giữ địa vị chủ đạo, nhưng nông nghiệp vẫn là gốc của mọi nhà. Trong giai đoạn “phong kiến”, khi ruộng công còn nhiều, cũng như trong giai đoạn làm ăn tập thể (hợp tác xã) và kinh tế hộ hiện nay, tư liệu sản xuất cơ bản của nông nghiệp là ruộng đất được sử dụng theo nguyên tắc *khâu phân* (chia theo đầu khâu hay định suất “*khâu + lao động chia đôi*”). Trong giai đoạn công điền phong kiến, việc quân phân ruộng đất được thực

hiện thông qua những tổ chức gồm lý dịch và các hương hào (hội đồng kỳ mục), đôi nơi có thể thông qua các giáp. Trong giai đoạn HTX, ruộng đất được canh tác tập thể, thu nhập theo số công điểm của xã viên, nhìn hình thức không quân phân, nhưng thực chất vẫn tính đầu lao động để phân bổ ruộng cấy. Sự phân chia hoa lợi trên nguyên tắc theo công điểm, trên thực tế là tình trạng “*dong công phóng điểm*” (tính công điểm tùy tiện). Thời kỳ từ 1989 trở lại đây, nguyên tắc quân phân lại tái lập. Sự phân chia ruộng đất theo định kỳ dài ngắn lúc mở đầu và gần đây có khác nhau, nhưng đều theo quy định chung và vận dụng riêng ở trong làng mà theo lao động hay theo khẩu hoặc khẩu + lao động (lệ làng). Sự phân chia này do ban quản trị HTX thực hiện thông qua bốc thăm, nhưng số đất chia đều này (quỹ đất) tùy nơi mà chiếm tỷ lệ cao thấp khác nhau trong tổng diện tích canh tác của làng. Thời hạn chia lại tùy làng mà dài ngắn khác nhau, không hẳn theo quy định chung của tỉnh (chưa nói của cả nước hay từng miền). *Chính những “lệ làng” này đã tạo ra sắc thái quan hệ riêng ở mỗi làng và tạo ra sự ràng buộc cột chặt các hộ gia đình với nhau trên nền quy chế đất khâu phân.*

Ngoài quan hệ ràng buộc chung này, trong lao động sản xuất còn có những ràng buộc khác giữa người lao động và hộ gia đình với những người có chức trách trong sản xuất: với kinh tế hộ tiểu nông, mức thuế ở từng thửa ruộng khác nhau thuộc cùng hạng điền cũng như mức dân công của từng nhà được xác định không chỉ theo quy định chung, mà còn tùy thuộc sự điều tiết các quan hệ cá nhân với người có chức phận về thuế, dân công. Trong thời kỳ HTX, công việc được giao, khó hay dễ làm, kết quả công việc được đánh giá tốt hay xấu, công điểm dong phóng tới đâu cũng tùy thuộc mối quan hệ vốn có hoặc sự xây dựng, điều tiết mối quan hệ với người

phụ trách (lãnh đạo đội sản xuất, ban quản trị HTX). Thực chất đây là sự điều tiết giữa các gia đình vì những chức phân trong làng xã, đội sản xuất được xác lập qua bầu bán của xã viên, của những công dân trong địa phận. Với lối canh tác tiểu nông, việc dẫn nước qua ruộng nhà khác về nhà mình đòi hỏi các hộ phải có quan hệ "chín bỏ làm mười".

b. Nhu cầu hỗ trợ lao động.

Vấn đề này xét theo cơ cấu giữa số lao động trung bình của mỗi hộ với số ruộng đất bình quân của hộ gia đình được chia và số công lao động mỗi hộ cần, thử xem giữa các hộ có nhu cầu tương trợ trong việc đồng áng (cày bừa, cấy gặt, chăm sóc lúa) hay không? (bảng 1)

Nhìn vào cột cuối cùng của bảng 1 có thể thấy số lao động trong trồng trọt, hoạt động chính trong lao động nông nghiệp của các hộ thừa nhiều. Số công thừa này chắc chắn được dùng trong chăn nuôi, ngành nghề và buôn bán, là những hoạt động được thực hiện thông qua phân công chuyên hóa, không theo lối vắn công, đổi công.

Như vậy, nhu cầu tương trợ trong lao động sản xuất ở địa phương được khảo sát không phổ biến.

Bảng 1: Số lao động trung bình (SLĐTB), số công lao động cần đầu tư cho nông nghiệp (SCLĐCĐT), số lao động cần (SLĐC) và số lao động thừa trong trồng trọt (SLĐTTTT) trung bình ở mỗi hộ năm 1992.

Tên làng	Số ruộng TB mỗi hộ sào/hộ	SLĐTB mỗi hộ(1) người	SCLĐCĐT cho TT(2) công	SLĐ cần(3) người	SCLĐTTTT (4) %
Dương Ổ	4,48	2,27	85	1,07	87,52
Ngô Xá	10,70	2,54	391	1,98	45,43
Trung Bạ	8,94	2,59	424	2,37	48,69

Chú thích biểu 1:

- (1) Chỉ tính số lao động trong độ tuổi (nam từ 16-60, nữ từ 16-55).
- (2) Số này tùy thuộc vào điều kiện thủy lợi là chủ yếu. Ngoài ra còn tùy theo việc làm đất dùng sức kéo hay sức người.
- (3) Số này không chỉ tùy thuộc vào số công cần thiết, mà còn phụ thuộc loại công việc cần lao động đó, như tát nước gàu giai, cày bừa và bón lót phân, vào đặc điểm giới tính của công việc như cày bừa cần nam, cấy cần nữ.
- (4) Số này tính bằng tổng số công của các lao động trung bình mỗi hộ trừ đi tổng số công cần đầu tư cho trồng trọt.

Vậy giữa các gia đình có quan hệ giúp nhau gì?

c. Những công việc cần và được giúp đỡ:

Bảng 2: Tỷ số hộ cùng làng giúp nhau trong các việc.

Các trường hợp giúp nhau						
Trong lao động sản xuất	cưới xin	làm nhà	ốm đau	khi có tai biến	ma chay	việc khác
8,64	100,0	96,30	14,82	32,10	100,0	0,00

Bảng 3: Mức độ giúp nhau trong các trường hợp trên

Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
0,00	100,0	0,00

Nhìn vào hai bảng trên có thể thấy sự giúp đỡ nhau giữa các gia đình ở ba làng Dương Ổ, Ngô Xá và Trung Bạ chủ yếu xoay quanh các công việc làm nhà, cưới xin và ma chay. Còn các trường hợp tương trợ như bức thiết cần giúp như sản xuất, ốm đau, gặp tai biến lại được giúp ít hơn nhiều. Phải chăng những việc này do các gia đình cùng dòng họ giúp nhau? Số liệu trong bảng 4 thể hiện sự giúp đỡ giữa những gia đình cùng họ nội trong ba làng trong những trường hợp tương tự nêu trên sẽ trả lời câu hỏi này.

Bảng 4: Tỷ số hộ cùng hộ nội giúp nhau trong một số trường hợp, công việc.

Trong lao động sản xuất	cưới xin	làm nhà	ốm đau	khi có tai biến	ma chay	việc khác
22,22	93,83	66,67	53,09	20,99	93,83	

Bảng 5: Mức độ giúp nhau giữa các gia đình hộ nội trong các trường hợp trên

Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
9,87	90,12	0,00

So sánh sự giúp nhau trong các trường hợp lao động sản xuất, ốm đau và khi có tai biến giữa những gia đình cùng hộ nội thấy rõ: tuy tỷ số hộ giúp nhau có cao hơn so với giữa những hộ cùng làng, nhưng nếu so với sự giúp nhau trong các trường hợp cưới xin, làm nhà và ma chay, tỷ lệ này vẫn vào loại thấp. Điều đó cho thấy các việc làm nhà cưới xin và ma chay đối với các gia đình ở đây thuộc hàng "công to, việc lớn", cần sự giúp đỡ nhiều nhất, chi phối quan hệ

giữa các gia đình "trong hộ, ngoài làng".

d. Những khó khăn, thiếu thốn hàng ngày và nhu cầu hỗ trợ vật chất của nhiều gia đình.

Những khó khăn, thiếu thốn của nông thôn có thể thấy qua cơ cấu nghề nghiệp và thu nhập của lao động, qua gánh nặng ăn theo cũng như các chi phí cho sản xuất và các chi tiêu đè lên vai họ.

Bảng 6 dưới đây sẽ cho ta ý niệm tương đối cụ thể và hệ thống về cuộc sống vật chất của người dân trong ba làng.

Nhìn vào bảng trên, chúng ta thấy quá nửa thời gian của lao động hai làng Ngô Xá và Trung Bạ dành cho nông nghiệp, nhưng hoạt động kinh tế này đã không bảo đảm chi tiêu cần thiết cho số dân sống bằng nghề này

Bảng 6: Nghề nghiệp và thu nhập, các chi phí thiết yếu hàng tháng trong gia đình năm 1992.

Các tiêu phí	Đơn vị tính	Dương Ổ	Ngô Xá	Trung Bạ
a) Tỷ lệ nghề nghiệp của lao động:	%			
- Thuần nông nghiệp (N2)		-	55,71	67,52
- Nông nghiệp + nghề khác		100	49,29	32,48
b) Sử dụng thời gian theo nghề trong năm:	%			
- Cho nông nghiệp		13,50	55,63	50,10
- Cho thủ công nghiệp (TCN)		80,64	11,29	36,06
- Cho buôn bán		5,86	23,74	8,84
c) Thu nhập của mỗi hộ (đã trừ chi phí sản xuất)	1000d/ tháng	394	341	402
- Từ trồng trọt (1)		62	188	207
- Từ chăn nuôi		36	48	97
- Từ nghề khác		296	105	98
d) Chi tiêu cần thiết trung bình mỗi hộ	1000d/ tháng	360	303	390
- Chi lương thực (2)	%	32,87	40,92	34,50
đ) Cân đối thu - chi:	1000d/ tháng			
- Của hộ nông nghiệp			-67	-86
- Của hộ N2 + nghề khác		+34	+38	+12
e) Dân số trung bình mỗi hộ	người			
- Số nhân khẩu		4,60	4,82	5,23
- Số lao động		2,27	2,54	2,59

(1) Tính bằng số diện tích canh tác bình quân 1 lao động nhân với hệ số sử dụng đất nhân với số LDBQ một hộ nhân với sản lượng lúa trung bình 1 sào.

(2) Tính trung bình mỗi người 15kg gạo và 1715d/kg gạo.

(chiếm 55,71 - 67,52% số lao động địa phương). Số lao động thuần túy nông nghiệp này chắc hẳn phải sống dưới mức trung bình của địa phương, và *phần tích lũy cho sản xuất cũng như bảo hiểm trong cuộc sống khá mỏng manh, nếu không phải là không có.*

Do vậy, khi có việc đại sự như cưới xin, làm nhà, ma chay hoặc có tai biến, đau ốm, nhu cầu trợ giúp là đương nhiên và lớn. Ba việc: cưới vợ, làm nhà, ma chay được giúp đỡ phổ biến, có lẽ vì nó là việc nhà nào cũng có, mang tính nợ đồng lân. Còn việc ốm đau, tai biến vốn không xảy đến như nhau với mọi nhà, việc giúp nhau không phải là nợ đồng lân. Sự đỡ đần nhau trong những lúc như vậy chủ yếu thấy giữa những gia đình cùng họ.

Điều này nói lên gì? Phải chăng nó là dư âm của quan hệ cộng đồng kinh tế xưa? Sản xuất là hoạt động sống còn cơ bản nhất của mọi nhà, nhưng vì trong số hai cái cần nhất là vốn và lao động, lao động thì dư thừa, nhưng vốn thiếu, đồng tiền lại có khả năng sinh lợi, nên sự trợ giúp trong lao động sản xuất ít có.

Vì vậy khả năng mở rộng sản xuất không thể dựa vào sự trợ giúp, mà phải dựa trên vay mượn có lãi. Sự vay mượn cũng không thể lớn giữa những người làm nghề nông, vì lao động thặng dư không được bao nhiêu như đã nêu ở trên, hoặc có cũng không phổ biến, bởi ít ai dám cho vay mà không dám chắc thu lại dễ dàng. Thực tế điều tra ở ba làng đã cho thấy rõ như sau:

Mục đích vay	Cơ cấu vốn theo nguồn cho vay (%)		
	Ngân hàng	HTX	Tư nhân
Sản xuất	94,69	0,23	1,27
Cưới xin, ma chay, làm nhà ...	-	-	3,81

Từ những số liệu trên đây thấy rõ nguồn vốn phát triển sản xuất chủ yếu trông cậy vào ngân hàng. Tiền cho vay lo việc làm nhà, cưới xin, ma chay ít, vì việc hiếu hỉ được giúp

chủ yếu bằng tiền mừng, tiền phúng hoặc cho vay lợn, gạo, hoặc dưới hình thức chơi họ (phường bạn). Sự tồn tại phổ biến của các phường hiếu, phường hỉ ở các làng Bắc Bộ cho thấy sự trợ giúp cũng chỉ đủ phần nào cho việc tang, việc cưới ...

Tư nhân nhiều tiền tới bạc tỷ ở làng Dương Ổ có đến hàng chục hộ, là những chủ doanh nghiệp giấy công nghiệp, nhưng bản thân họ cũng vay ngân hàng để mở rộng kinh doanh. Và lại, việc cho vay lấy lãi cũng không đơn giản theo chiều thỏa thuận, mà còn bị sức ép nhiều chiều tác động tới, từ sức ép dư luận tới sức ép cộng đồng và hành chính.

Vài nhận xét

Từ quan hệ nhiều chiều của làng xã ở các địa phương được khảo sát, tìm hiểu về quan hệ trợ giúp giữa các gia đình để xem xét, thấy rõ: Sự trợ giúp thường xuyên được thực hiện trong cưới xin, làm nhà và ma chay. Hoạt động sống động, thường xuyên và trọng yếu nhất trong đời sống nông thôn là lao động sản xuất lại ít có sự trợ giúp: về lao động, nói chung ở Bắc Bộ đều thừa người, thiếu ruộng. Bình quân diện tích ruộng đất canh tác thấp, nên thừa nhân lực. Về sản xuất, phân (chuồng và hóa học), giống, thuốc trừ sâu, sức kéo và nông cụ cũng như đầu tư cho chăn nuôi đều cần vốn, nhưng giữa các gia đình phần lớn dựa vào nghề nông không dư thừa nhiều để dễ dàng cho nhau vay.

Có lẽ sự trợ giúp và ảnh hưởng hàng xuyên giữa các gia đình là điều tiết trong phân ruộng, phân việc và định mức thu nhập, đóng góp thuế cũng như các chi phí sản xuất nông nghiệp. Sự điều tiết này dựa trên nền ruộng công và chế độ tiểu nông vốn có từ rất lâu đời ở Bắc Bộ. Sự điều tiết này chứa đựng cả mặt tích cực và tiêu cực, mà mặt tiêu cực kết hợp với tính hạn chế trong trợ giúp sản xuất giữa các gia đình đã khiến nông nghiệp và nông thôn ít nhiều mang tính trì trệ.

Sự trợ giúp trong làm nhà, tang, cưới vừa là sự đùm bọc nhau, nhưng có lẽ cũng là sự chung lưng để chơi với thiếu thốn khi có đại sự. Nó là nét cần được lưu ý khi xem xét quan hệ tương trợ.